

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 04-6-2024
“V/v ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

Ông Trần Văn Mười

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Phạm Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5 đến ngày 04 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số: 07/2024/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn và chia tài sản khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2023/HNGĐ-ST ngày 21-11-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1425/2024/QĐXXPT-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Kim H, sinh năm 1952; địa chỉ: C Vantage S (có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền về tranh chấp tài sản của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1983; địa chỉ: số D, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (văn bản ủy quyền ngày 06/6/2018) và bà Trần Thị Như M, sinh năm 1994; địa chỉ: F V, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 15/02/2020) (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Vương Anh D, sinh năm 1952; địa chỉ: số D, đường N, khu dân cư T, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (chết ngày 16/6/2020).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông D:

1. Ông Vương Tấn S, sinh năm 1929; địa chỉ: ấp A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Bà Vương Hoàng T, sinh năm 1976; địa chỉ: C W P, A, CA 92801 (vắng mặt).

3. Ông Vương Phan Phú C, sinh năm 1978; địa chỉ: A W, W, CA 92683 (vắng mặt).

4. Ông Vương Phan Phú S1, sinh năm 1980; địa chỉ: A V, S, CA 90680 (vắng mặt).

5. Ông Vương Huy L, sinh năm 1986; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Ông Vương Huy P, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Ông Vương Huy P, sinh năm 1987; địa chỉ: A, ấp A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1977; địa chỉ: khu phố C, thị trấn C, huyện C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D1: Ông Lưu Văn B – Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1985; địa chỉ: phường Y, quận H, Thành phố Hà Nội (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

4. Công ty Cổ phần T2; địa chỉ: số F đường L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Bùi Văn Q, sinh năm 1973; địa chỉ: khối A, đường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An, chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

Người đại diện được ông Bùi Văn Q ủy quyền: Ông Nguyễn Minh H2 – Phó phòng pháp chế của Công ty Cổ phần T2 (có mặt).

Người có kháng cáo: ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn kháng cáo và ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Kim H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông Vương Anh D (chết ngày 16/6/2020) tổ chức đám cưới và sống chung như vợ chồng từ tháng 6 năm 1976. Đến ngày 10/01/1984 mới đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Sông Bé (nay là phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30. Quá trình sống chung, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất hoà do có sự khác biệt về lối sống, vợ chồng thiếu tôn trọng lẫn nhau. Năm 1996, bà H xuất cảnh sang Hoa Kỳ sinh sống cho đến nay. Do không cùng tiếng nói chung nên vợ chồng ngày càng xa cách, không quan tâm lẫn nhau. Do vậy, bà H có đơn khởi kiện ly hôn ông D.

- Về con chung: Quá trình sống chung, bà H và ông D có 03 người con chung gồm bà Vương Hoàng T, sinh năm 1976, ông Vương Phan Phù C1, sinh năm 1978, ông Vương Phan Phú S1, sinh năm 1980. Hiện 03 người con chung này đang sinh sống tại Hoa Kỳ và đã trưởng thành nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông D bao gồm:

1. Diện tích đất 554,5m² thuộc thửa đất 334 và diện tích đất 3.943m² thuộc thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01046 QSDĐ/AP do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Anh D ngày 06/4/2001.

2. 14 Quyền sử dụng đất đứng tên ông Vương Anh D do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho ông D gồm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG822941, AG822942, AG822054, AL045964, AN064075, AN064076, AN064078, AG822430, AG822940, AG822053, BC813162, BC813160, BA165100, AL045965 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN951611 do UBND tỉnh Đ cấp cho Doanh nghiệp tư nhân P1 ngày 09/12/2008.

3. Căn nhà số G và 43/DC4 khu dân cư A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

4. Huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1482 ngày 23/7/2018 giữa ông Vương Anh D với bà Nguyễn Thị D1 do Văn phòng C2 công chứng và huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15883 ngày 23/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị D1 với bà Nguyễn Thị Thanh T1 do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị G công chứng.

Bà H yêu cầu được nhận 50% tài sản bằng giá trị.

Bị đơn ông Vương Anh D trình bày (Tại Văn bản trình bày ngày 20/12/2018, bản tự khai ngày 15/7/2019): Thời điểm ông D còn sống thì ông D đã có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Ông D đồng ý ly hôn

bà H, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, còn về tài sản chung thì ông D không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H vì thửa đất 334 và thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01046/QSĐĐ/AP do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Anh D ngày 06/4/2001 là tài sản do cha ruột của ông D là ông Vương Tấn S cho riêng ông D và tại Bản án sơ thẩm số 96/2018/DSST ngày 15/8/2017 của TAND thị xã Thuận An (nay là thành phố T) và Bản án phúc thẩm số 13/2018/DSPT ngày 15/01/2018 của TAND tỉnh Bình Dương cũng đã xác định đây là tài sản do cha của ông D cho riêng ông D, vì vậy không phải là tài sản chung của ông D với bà H. Đối với những tài sản khác mà ông D đứng tên thì ông D không đồng ý với yêu cầu phân chia tài sản chung vì bà H đã qua Hoa Kỳ sinh sống từ lâu nên bà H cũng không có đóng góp công sức gì mà tài sản do tự ông D làm ăn, kinh doanh mà có được nên không phải là tài sản chung giữa ông D với bà H.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông D trình bày:

1. Ông Vương Tấn S trình bày: Ông là cha ruột của ông D. Thửa đất 334 và thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương là của ông S cho riêng ông D, là tài sản riêng của ông D, không liên quan gì đến bà H. Ông S không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

2. Bà Vương Hoàng T, ông Vương Phan Phú C, ông Vương Phan Phú S1 thống nhất trình bày: Bà T, ông C, ông S1 là con ruột của bà H và ông D. Những tài sản tại Việt Nam do ông D đứng tên đều là tài sản chung của ông D với bà H. Bà T, ông C, ông S1 không có công sức đóng góp và liên quan gì.

3. Ông Vương Huy L, ông Vương Huy P thống nhất trình bày: Ông L và ông P là con ruột của ông D với bà Nguyễn Thị V. Thửa đất 334 và thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương là của ông D, không liên quan gì đến bà H. Ông L và ông P không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bảo N trình bày: Bà N chỉ nhập nhờ hộ khẩu. Tài sản mà các đương sự tranh chấp thì bà N không có liên quan gì đến và xin được giải quyết vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị D1: Luật sư Lưu Văn B không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T2: Ông Bùi Văn Q không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh T1 không có ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2023/HNGĐ-ST ngày

21-11-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim H đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương Anh D gồm: ông Vương Tấn S, bà Vương Hoàng T, ông Vương Phan Phú C, ông Vương Phan Phú S1, ông Vương Huy L, ông Vương Huy P đối với yêu cầu chia tài sản chung là 14 quyền sử dụng đất đứng tên ông Vương Anh D do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho ông D gồm các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG822941, AG822942, AG822054, AL045964, AN064075, AN064076, AN064078, AG822430, AG822940, AG822053, BC813162, BC813160, BA165100, AL045965; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN951611 do UBND tỉnh Đ cấp cho Doanh nghiệp tư nhân P1 ngày 09/12/2008 và 02 Căn nhà số G và 43/DC4 khu dân cư A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim H đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương Anh D gồm: ông Vương Tấn S, bà Vương Hoàng T, ông Vương Phan Phú C, ông Vương Phan Phú S1, ông Vương Huy L, ông Vương Huy P đối với yêu cầu chia tài sản chung là: quyền sử dụng đất diện tích đất 554,5m² thuộc thửa đất 334 và diện tích đất 3.943m² thuộc thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01046 QSĐĐ/AP do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Anh D ngày 06/4/2001.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim H đối với người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Vương Anh D gồm: ông Vương Tấn S, bà Vương Hoàng T, ông Vương Phan Phú C, ông Vương Phan Phú S1, ông Vương Huy L, ông Vương Huy P về việc yêu cầu huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1482 ngày 23/7/2018 giữa ông Vương Anh D với bà Nguyễn Thị D1 do Văn phòng C2 công chứng và huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15883 ngày 23/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị D1 với bà Nguyễn Thị Thanh T1 do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị G công chứng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/11/2023, ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn kháng cáo đề nghị huỷ Bản án sơ thẩm.

Ngày 30/11/2023, ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo đề nghị huỷ một phần Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông P và ông H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông P và ông H1 kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ huỷ án, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu

kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên và người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của ông Vương Huy P và kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H1, như sau:

*** Về tố tụng:**

[1]. Tại phiên tòa, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm ông Vương Tấn S, bà Vương Hoàng T, ông Vương Phan Phú C, ông Vương Phan Phú S1, ông Vương Huy L và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Căn cứ các khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2]. Nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 1482 ngày 23/7/2018 giữa ông Vương Anh D với bà Nguyễn Thị D1 do Văn phòng C2 công chứng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 15883 ngày 23/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị D1 với bà Nguyễn Thị Thanh T1 do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị G công chứng. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các văn phòng công chứng trên vào tham gia tố tụng là có thiếu sót. Tuy nhiên, việc không đưa Văn phòng công chứng Đoàn Xuân H3 và Văn phòng công chứng Nguyễn Thị G vào tham gia gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của các đương sự trong vụ án. Bởi lẽ, tại Quyết định số 131/QĐ-VP CQCSĐT ngày 11/12/2022 và Kết luận số 177/KL-VP CQCSĐT ngày 11/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B; Thông báo số 28/TB-VKSBD-P1 ngày 31/3/2023 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đều xác định các hợp đồng trên không có dấu hiệu làm giả nên không khởi tố vụ án hình sự.

*** Về nội dung:**

[3]. Đối với 14 Quyền sử dụng đất đứng tên ông Vương Anh D do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho ông D (sau đây viết tắt: GCNQSDĐ) gồm: GCNQSDĐ số AG822941; GCNQSDĐ số: GCNQSDĐ số: AG822942; GCNQSDĐ số: AG822054; GCNQSDĐ số: AL045964; GCNQSDĐ số: AN064075; GCNQSDĐ số: AN064076; GCNQSDĐ số: AN064078; GCNQSDĐ số: AG822430; GCNQSDĐ số: AG822940; GCNQSDĐ số: AG822053; GCNQSDĐ số: BC813162; GCNQSDĐ số: BC813160; GCNQSDĐ số: BA165100; GCNQSDĐ số: AL045965. GCNQSDĐ số: AN951611 do UBND tỉnh Đ cấp cho Doanh nghiệp tư nhân P1 ngày 09/12/2008 và 02 căn nhà số G và 43/DC4 khu dân cư A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, nguyên đơn bà Phan Kim H yêu cầu chia và ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo đề nghị chia cho bà H. Nhưng bà H, ông

P và ông H1 không cung cấp được cho Toà án các tài liệu, chứng cứ là các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà nêu trên. Toà án cũng ra thông báo yêu cầu bà H cung cấp tài liệu, chứng cứ nhưng bà H không cung cấp được. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T cũng không tìm thấy thông tin nào liên quan đến Căn nhà số G và 43/DC4 khu dân cư A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương có ủy thác cho Toà án nhân dân huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tiến hành biện pháp thu thập chứng cứ với các tài liệu, chứng cứ liên quan đến 14 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên nhưng không thu thập được. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu trên của nguyên đơn và tuyên khi có các tài liệu, chứng cứ thì nguyên đơn được quyền khởi kiện trong một vụ án khác, là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu chia diện tích đất 554,5m² thuộc thửa đất 334 và diện tích đất 3.943m² thuộc thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01046 QSDĐ/AP do UBND huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Anh D ngày 06/4/2001. Tại Bản án sơ thẩm số 96/2018/DSST ngày 15/8/2017 của TAND thị xã Thuận An (nay là thành phố T) và Bản án phúc thẩm số 13/2018/DSPT ngày 15/01/2018 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương đã xác định các tài sản trên có nguồn gốc: Ngày 10/02/1986, ông D được cha ruột là cụ Vương Tấn S tặng cho riêng. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện nêu trên đã có bản án có hiệu lực pháp luật nên không phải chứng minh.

[5]. Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: H 1482 ngày 23/7/2018 giữa ông Vương Anh D với bà Nguyễn Thị D1 do Văn phòng C2 công chứng và huỷ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 15883 ngày 23/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị D1 với bà Nguyễn Thị Thanh T1 do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị G công chứng. Các tài sản chuyển nhượng trong các hợp đồng này là tài sản riêng của ông D nên việc ông D định đoạt là đúng quy định của pháp luật. Bà H không chứng minh được có công sức đóng góp gì đối với tài sản nêu trên nên Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia các tài sản này cho bà H là có căn cứ.

[6]. Ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo cho rằng, Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2017/DSST ngày 15-8-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An và Đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/6/2000, ông D có xác định: Thửa đất số 90 và thửa số 334 là tài sản chung của vợ chồng. Qua xem xét Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên (Bút lục 49), và Đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/6/2000 (Bút lục 137 và Đơn xin kê khai nguồn gốc đất ngày 09/6/2000 (Bút lục 138) thì thể hiện nội dung: 02 thửa đất nêu trên ông D được cha ruột là ông Vương Tấn S tặng cho, nên lời trình bày trên của ông H1 không có căn cứ chấp nhận.

[7]. Đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 96/2017/DSST ngày 15-8-2017 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An và Bản án dân sự phúc thẩm số: 13/2018/DSPT ngày 15-01-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có hiệu lực pháp luật, ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo cho rằng, 02 bản án này có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng do không đưa bà Phan Kim H vào tham gia tố tụng là người có quyền, lợi nghĩa vụ liên quan. Trường hợp nếu bà H có căn cứ cho rằng 02 bản án này có vi phạm thủ tục tố tụng thì bà H có quyền gửi đơn khiếu nại đến Chánh án Tòa án nhân dân tối cao hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát nhân tối cao để được xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm đối với 02 bản án nêu trên.

[8]. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Kim H về chia tài sản chung khi ly hôn là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

[9]. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[10]. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí phúc thẩm; Ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm.

[11]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm của ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và kháng cáo của ông Nguyễn Hữu H1 là người được nguyên đơn ủy quyền.

Giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 38/2023/HNGĐ-ST ngày 21-11-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 92; Điểm b khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 65 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 166, 167 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều: 163, 164, 169, 181 195, 197 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều: 116, 117, 119, 158, 161, 192, 205 206 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim H yêu cầu chia tài sản chung đối với 14 quyền sử dụng đất đứng tên ông Vương Anh D do UBND huyện Đ, tỉnh Đắk Nông cấp cho ông D, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG822941, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG822942, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG822054, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL045964, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN064075, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN064076, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN064078, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG822430, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG822940, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG822053, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC813162, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BC813160, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BA165100, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AL045965, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AN951611 do UBND tỉnh Đ cấp cho Doanh nghiệp tư nhân P1 ngày 09/12/2008 và 02 Căn nhà số G và 43/DC4 khu dân cư A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Phan Thị Kim H4 có quyền khởi kiện lại khi cung cấp được chứng cứ.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim H4 đối với yêu cầu chia tài sản chung đối với diện tích đất 554,5m² thuộc thửa đất 334 và diện tích đất 3.943m² thuộc thửa đất 90, cùng tờ bản đồ số 178, tọa lạc tại khu phố A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01046 QSDĐ/AP do Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Vương Anh D ngày 06/4/2001).

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim H4 đối với yêu cầu huỷ 02 Hợp đồng: Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 1482 ngày 23/7/2018 giữa ông Vương Anh D với bà Nguyễn Thị D1 do Văn phòng C2 công chứng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số: 15883 ngày 23/11/2018 giữa bà Nguyễn Thị D1 với bà Nguyễn Thị Thanh T1 do Văn phòng công chứng Nguyễn Thị G công chứng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Phan Kim H4 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm;

Ông Vương Huy P là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số: 0000029 ngày 13/12/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- ĐS;
- Lưu VP, HS. ĐTTB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương